

KT3-01927AKL3

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

03/11/2023

Trang/ Page
01/02

1. Phương tiện đo/ Object : **BỘ QUẢ CÂN CHUẨN**
SET OF WEIGHTS
2. Nhà sản xuất/ MFR : N/A
3. Kiểu/ Type : Tấm/ Sheet SN: 1911174 ID: N/A
4. Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications Khối lượng danh nghĩa/ Nominal mass : 1 mg - 500 mg
Số lượng quả/ Quantity of weights : 12 quả
Vật liệu/ Material : Thép không gỉ/ Stainless steel
5. Khách hàng:
Customer **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH TRUNG TÂM 3**
320/2B Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
6. Nơi hiệu chuẩn:
Place of Calibration **TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3/ QUATEST 3**
7 Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
7. Phương pháp hiệu chuẩn:
Method of Calibration **DLVN 286:2015**
Weights of classes F1, F2 and M1 - Calibration procedure
8. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

ID	Description	Cal. Date	Due Date	Traceable to
KL1107-1	Standard Weights E2	06/2022	06/2024	LNE-FRANCE

9. Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment : [23,0 ± 0,5] °C [50 ± 5] %RH [1000 ± 10] hPa
10. Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không / No
11. Ngày hiệu chuẩn/ Date of Calibration : 03/11/2023
12. Tem hiệu chuẩn/ Calibration Label : KT3-01927AKL3
13. Ngày hiệu chuẩn lại/ Recalibration Date : 30/11/2024

TL. TRƯỞNG PDL KHỐI LƯỢNG
PP. HEAD OF MASS MEASUREMENT LAB.



Trương Nguyễn Phương Thảo

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
HEAD OF LAB.



Nguyễn Tấn Tùng



KT3-01927AKL3

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CERTIFICATE OF CALIBRATION

03/11/2023

Trang/ Page

02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/ Results of Calibration

Khối lượng danh nghĩa, <i>Nominal mass</i>	Khối lượng qui ước, <i>Conventional mass</i>	Sai lệch, <i>Difference</i> mg	Độ KĐBĐ, <i>Uncertainty</i> mg	Cấp chính xác, <i>Accuracy Class</i>
1 mg	1,006 mg	0,006	0,006	F1
2 mg	2,002 mg	0,002	0,006	F1
2* mg	2,005 mg	0,005	0,006	F1
5 mg	5,002 mg	0,002	0,006	F1
10 mg	10,008 mg	0,008	0,008	F1
20 mg	20,005 mg	0,005	0,010	F1
20* mg	20,007 mg	0,007	0,010	F1
50 mg	49,993 mg	-0,007	0,012	F1
100 mg	100,005 mg	0,005	0,016	F1
200 mg	199,987 mg	-0,013	0,020	F1
200* mg	200,010 mg	0,010	0,020	F1
500 mg	500,012 mg	0,012	0,025	F1

- Khối lượng riêng: 7950 kg/m^3 U (k=2): 140 kg/m^3

- Quả cân đạt cấp chính xác F1 theo ĐLVN 286:2015

15. Thông tin khác/ Other Informations

a. Các giá trị có đơn vị không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo các bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.

All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above document.

b. Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7 only.

c. Phương tiện đo được hiệu chuẩn bằng cách so sánh trực tiếp với các chuẩn của Trung tâm Kỹ thuật 3 được nêu tại mục 8.

The equipment under calibration was calibrated by direct comparison with standards of Quatest 3 as description at Item 8.

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration